

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

Phiếu an toàn hóa chất ZINC CHLORIDE		Logo của doanh nghiệp 	
Số CAS: 7646-85-7 Số UN: 1840 Số đăng ký EC: 231-592-0 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 8 Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): Chưa có thông tin			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất : Zinc Chloride		Mã sản phẩm (nếu có):	
Tên thương mại : Zinc Chloride			
Tên khác (không là tên khoa học): Kẽm clorua			
Xuất xứ: Đài Loan		Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup	
Mục đích sử dụng: Kẽm clorua tìm thấy ứng dụng rộng rãi trong ngành dệt, chế biến, luyện kim, và tổng hợp hóa học		Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Zinc Chloride	7646-85-7	ZnCl ₂	90%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (Theo số liệu có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS: - Độc cấp tính, đường miệng (Cấp 4) - Ăn mòn/ kích ứng da (Cấp 1) - Tổn thương nghiêm trọng/kích ứng mắt (Cấp 1) - Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ (Cấp 1) - Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Cấp 1) - Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh (Cấp 1) - Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh (Cấp 1)			

Theo HMIS (Mỹ):

- Sức khỏe : 3
- Dễ cháy : 0
- Phản ứng : 0
- Chất rắn ăn mòn loại E

2. Cảnh báo nguy hiểm



- Hình đồ cảnh báo:

- Từ cảnh báo: Nguy hiểm

- Cảnh báo nguy hiểm:

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: Chất độc
- Có hại nếu nuốt phải, gây bỏng da nặng và tổn thương mắt, rất độc đối với thủy sinh vật với các ảnh hưởng lâu dài.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tuân thủ luật PCCC và mang đầy đủ đồ Bảo hộ lao động.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây kích ứng mắt, ăn mòn mắt, đỏ, ngứa mắt
- Đường thở: Gây kích ứng đường hô hấp nghiêm trọng
- Đường da: Gây kích ứng da, bỏng da, loét
- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa
- Đường tiết sữa: Phụ nữ mang thai và có con nhỏ hạn chế tiếp xúc

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Lập tức phun một ít nước lên mắt khoảng 15 phút. Thỉnh thoảng nháy mắt. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Lập tức phun một ít nước trên da để khoảng 15 phút. Rửa sạch với xà phòng khử trùng. Bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Rồi đưa bệnh nhân đến bệnh viện
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân đến nơi có không khí thoáng mát, hô hấp nhân tạo. Nếu không thở được đưa ngay đến bệnh viện
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): không gây nôn, mửa. Nếu còn tỉnh cho nạn nhân uống nước. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện. Không cho bệnh nhân ăn bất cứ gì khi bị bất tỉnh hoặc bị rối loạn.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): điều trị theo triệu chứng

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** các sản phẩm này là khí hydro chloride, oxit kẽm.
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): rất dễ cháy, nổ khi tiếp xúc với ngọn lửa và tia lửa, nhiệt. Không cháy trong trường hợp va đập, sóc.
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Cháy Nhỏ : Sử dụng bột hóa chất khô. Cháy Lớn: Sử dụng rượu bột , phun nước hay sương.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** trang phục bảo hộ khi chữa cháy..
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): tuân thủ đúng nội quy của PCCC.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: sử dụng bao tay cao su, mặt nạ chống độc, nước và đất để hạn chế tác động độc hại cho môi trường xung quanh, tránh không cho tràn vào cống.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: biện pháp như trên và thông báo ngay đến địa chỉ cần liên hệ khẩn cấp – được ghi trên Phiếu An Toàn Hóa chất – trang 1

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Tránh xa nguồn nhiệt, tránh xa các nguồn phát lửa, bảo quản nơi thông thoáng, bao bì chứa đựng và vận chuyển đúng theo qui cách sản phẩm (can hoặc bồn nhựa, bao PP/PE). Không được nuốt, không được hít phải khí, khói, hơi. Mặc quần áo bảo hộ. Trong trường hợp thiếu thông thoáng phải mang thiết bị hô hấp thích hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và cho họ thấy bình chứa đựng hay nhãn hóa chất. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh xa các chất oxy hóa, kim loại, acid.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): lưu trữ trong một khu vực cách ly và được phê duyệt. Giữ bình chứa trong một khu vực mát mẻ, thông thoáng. Bình chứa phải được đóng kín và niêm phong cho đến khi sẵn sàng để sử dụng. Tránh xa tất cả các nguồn gây cháy nổ (tia lửa hoặc ngọn lửa).

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp hệ thống thông gió thoát hơi hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật để giữ nồng độ hơi trong không khí dưới ngưỡng cho phép.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: mang kính , mặt nạ chống độc
- Bảo vệ thân thể: quần áo chống hóa chất
- Bảo vệ tay: mang găng tay thích hợp
- Bảo vệ chân : mang ủng (giày bảo vệ chân)

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: mang đầy đủ BHLĐ

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): tắm rửa sạch sẽ sau khi tiếp xúc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

HÓA VIỆT
Chemgroup

Trạng thái vật lý: Chất rắn	Điểm sôi (°C): 732 °C ở 1,013 hPa
Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): 293 °C
Mùi đặc trưng: Chưa có thông tin	Điểm cháy (°C) (Flash point): Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi: 1 mmHg ở 428 °C	Nhiệt độ tự cháy (°C): Chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1): 2.9	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: 851g/l ,hòa tan được ở 20 °C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ PH: 5 ở 100 g/l, 20 °C	Tỷ lệ hóa hơi: Chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 133.86 g/mol	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: Ổn định ở điều kiện sử dụng và lưu trữ
2. Khả năng phản ứng: Chưa có thông tin
3. Phản ứng nguy hiểm (ví dụ: ăn mòn, cháy nổ...): Chưa có thông tin
4. Các điều kiện cần tránh (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc...): Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.
5. Vật liệu không tương thích: Các tác nhân oxy hóa mạnh.
6. Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: Các khí hydro chloride, oxit kẽm

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Zinc Chloride	LD50	350 mg/kg	Miệng	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư,độc sinh sản, biến đổi gen Nhóm D, không phải là chất gây ung thư ở người.
2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật :

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Zinc Chloride	Cá	96h	0.4 - 2.2 mg/l

2. Tác động trong môi trường:

- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: trong thời gian ngắn không có nguy hiểm, tuy nhiên các sản phẩm phân hủy trong thời gian dài có thể phát sinh.
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: các sản phẩm phân hủy sinh học ít độc hơn bản thân sản phẩm.

XIII. YÊU CẦU TRONG THẢI BỎ

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** chưa có thông tin.
- 3. Biện pháp tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** chưa có thông tin.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa.	1840	Zinc Chloride	8	III		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1840	Zinc Chloride	8	III		

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:** khai báo theo phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc, cam kết sử dụng đúng mục đích.
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** 8
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:**
 - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
 - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
 - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất : hóa chất khai báo nhập khẩu, hóa chất thuộc danh mục kinh doanh sản xuất có điều kiện

- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

